

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2019/DS-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Hồng

Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T; địa chỉ: L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1994; địa chỉ liên lạc: đường C, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 58019/2019/UQ-PGDK ngày 05/8/2019; (vắng mặt).

Bị đơn: Ông N, sinh năm 1975; địa chỉ: đường B, Khu phố H, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2018; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông N đã vay tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T như sau:

Ngày 09/11/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần T và ông N ký Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, giải ngân ngày 10/11/2016, mã hợp đồng LD1631500057 cho ông N vay số tiền 99.000.000 (chín mươi chín triệu) đồng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 22%/năm, sau đó điều chỉnh 08 lần với chu kỳ 3 tháng/1 lần. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N phải thanh toán 164.987.750 đồng gồm cả gốc lãi trong thời gian 60 tháng, thanh toán vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu trả vào ngày 10/11/2016. Ông N đã thanh toán được 14 lần với tổng số tiền là 23.150.293 đồng, kể từ ngày 10/11/2017, ông N không không trả bất kỳ khoản tiền nợ nào nữa cho nguyên đơn, khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 12/6/2017, tính đến ngày 30/8/2019 còn nợ lại tiền gốc 93.183.398 đồng, tiền lãi 63.430.125 đồng, tổng cộng là 156.613.523 đồng.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, loại thẻ VPBank MasterCard Platinum, hạn mức 40.000.000 đồng, lãi suất thay đổi theo từng thời điểm, hiện nay lãi suất 33,48%/năm. Sau khi được cấp tín dụng, ông N đã sử dụng tổng số tiền là 41.012.716 đồng, đầu tiên là ngày 15/12/2016, ngày cuối là 08/5/2017 và thanh toán tổng cộng 14.310.000 đồng, thanh toán lần cuối ngày 07/10/2017, sau đó, ông N không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc lãi nào nữa cho đến nay, tính đến ngày 30/8/2019, còn nợ lại số tiền gốc 37.164.070 đồng, tiền lãi 40.406.162 đồng.

Tổng số tiền của hai hợp đồng ông N phải trả tính đến ngày 30/8/2019 là 234.183.755 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày 31/8/2019 ông N phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận X về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016, ông N vay số tiền 99.000.000 đồng, đã thanh toán được 14 lần tổng cộng là 23.150.293 đồng, còn nợ lại tính đến ngày 30/8/2019 gồm tiền gốc 93.183.398 đồng, tiền lãi 63.430.125 đồng, tổng cộng là 156.613.523 đồng. Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, loại thẻ VPBank MasterCard Platinum, hạn mức 40.000.000 đồng, ông N sử dụng tổng số tiền là 41.012.716 đồng và thanh toán tổng cộng 14.310.000 đồng, tính đến ngày 30/8/2019 còn lại nợ tiền gốc 37.164.070 đồng và tiền lãi 40.406.162 đồng. Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh

toán, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N phải thanh toán toàn bộ số nợ của Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, tổng cộng 234.183.755 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện ông N yêu cầu trả nợ vay theo hợp đồng do hai bên ký kết, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét Văn bản ủy quyền số 58019/2019/UQ-PGDK ngày 05/8/2019 của Ngân hàng TMCP T ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa là hợp lệ nên được chấp nhận. Đại diện nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ông N đến Tòa tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016 ông N vay 99.000.000 (chín mươi chín triệu) đồng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 22%/năm, sau đó điều chỉnh 08 lần với chu kỳ 3 tháng/1 lần, thời hạn vay 60 tháng để tiêu dùng cá nhân. Ông N nhận đủ tiền và thanh toán cho nguyên đơn 14 lần với tổng số tiền là 23.150.293 đồng; trong đó: nợ gốc 5.816.602 đồng,

lãi 17.333.691 đồng; tính đến ngày 30/8/2019 còn nợ lại nợ tiền gốc 93.183.398 đồng, tiền lãi 63.430.125 đồng, tổng cộng là 156.613.523 đồng.

[6] Xét Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, hạn mức 40.000.000 đồng, lãi suất thay đổi theo từng thời điểm, lãi suất thay đổi theo từng thời điểm và lãi suất tại thời điểm xét xử 33,48%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp tín dụng, ông N đã sử dụng tổng số tiền là 41.012.716 đồng và thanh toán được tổng cộng 14.310.000 đồng, thanh toán lần cuối ngày 08/5/2017, sau đó, ông N không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc lãi nào nữa cho đến nay.

[7] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã đến tòa tự khai, tham gia hoàn giải trình bày ý kiến xác định là có vay tiền của Ngân hàng TMCP T như đại diện nguyên đơn trình bày, nguyên đơn yêu cầu trả ngay toàn bộ số nợ bị đơn không có khả năng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho bị đơn trả dần số nợ bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn không tính lãi từ ngày 02/8/2019 nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý.

[8] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ nợ tính đến ngày 30/8/2019 của Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, tổng cộng 234.183.755 đồng, gồm: Nợ gốc 130.347.468 đồng (93.183.398 đồng + 37.164.070 đồng), nợ lãi 103.836.287 đồng (63.430.125 đồng + 40.406.162 đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét mức lãi suất cho vay của nguyên đơn từ 22%/năm đến 33,48%/năm là cao hơn 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng theo quy định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Nguyên đơn có chức năng hoạt động tín dụng, đồng thời, trong Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016 giữa ông N và Ngân hàng TMCP T là thỏa thuận tự nguyện của các bên về nợ gốc, lãi vay và thời hạn thanh toán nợ, không trái với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc Ông N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T toàn bộ số nợ là 234.183.755 (hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/8/2019, ông N còn có nghĩa vụ phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP T theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giải ngân ngày 10/11/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 02/12/2016, tính trên số nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), ông N còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.709.188 (Mười một triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 4.678.565 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi lăm)

đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026531 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Phơ